TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2026/DS-ST
Ngày 21-5-2026
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Á
2. Ông Lê Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hương Ly – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh ngày 01/01/1967, Căn cước công dân số 052167007267, nơi thường trú: Số nhà F, Đường V, khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Cao Đức C, sinh ngày 04/12/1972, Căn cước công dân số 052072010012, bà Từ Thanh T, sinh ngày 24/5/1977, Căn cước công dân số 092177014431, cùng nơi thường trú: Số nhà I, Đường T, Tổ G, Khu phố E, phường B, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà P trình bày: Ngày 26/4/2024, vợ chồng ông C bà T mượn 150.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, hẹn 02 ngày trả. Vì không vay được tiền nên ông C bà T không trả cho bà. Đến ngày 17/11/2024, ông C bà T mượn thêm 20.000.000 đồng và ghi lại giấy mượn tổng cộng là 170.000.000 đồng, hẹn 02 ngày trả, có ghi giấy do ông C bà T ký nhưng chưa trả. Nay bà P yêu cầu ông C bà T trả 170.000.000 đồng và không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông C bà T không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay nên theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại phường B, tỉnh Gia Lai nên theo Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Qua xác minh tại Công an phường B, tỉnh Gia Lai thì ông C bà T có hộ khẩu thường trú tại: Khu phố E, phường B, tỉnh Gia Lai. Ông C bà T thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, không biết địa chỉ hiện nay và không rõ khi nào trở về nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định. Tuy nhiên, ông C bà T không nộp văn bản ghi ý kiến của mình, không đến làm việc theo giấy triệu tập, thông báo, giấy báo của Tòa án. Do đó, Tòa án không lấy ý kiến của ông C bà T liên quan đến yêu cầu của bà P được. Ông C bà T không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật nên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[4] Giấy mượn tiền ngày 26/4/2024 và ngày 17/11/2024 có nội dung đúng như lời trình bày của bà P. Cả hai giấy mượn tiền đều có chữ ký, chữ viết *"Cao Đức C", "Từ Thanh Thảo",* không có nội dung về việc đã trả tiền. Ông C bà T không có ý kiến đối với yêu cầu của bà P nên theo lời khai của bà P và G mượn tiền ngày 17/11/2024 xác định ông C bà T có vay và còn nợ bà P số tiền 170.000.000 đồng là đúng sự thật. Theo Giấy mượn tiền ngày 17/11/2024 thì đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi. Vợ chồng ông C bà T vay tiền nhưng không trả nợ đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Bà P yêu cầu ông C bà T trả nợ là phù hợp, đúng qui định nên yêu cầu này được chấp nhận. Ông C bà T có nghĩa vụ chung đối với số tiền vay và phải liên đới trả cho bà P số tiền 170.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí là 170.000.000 đồng x 5% = 8.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 288, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị P. Buộc vợ chồng ông Cao Đức C bà Từ Thanh T phải liên đới trả cho bà Trần Thị P số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và tiền tạm ứng án phí:

- Vợ chồng ông Cao Đức C bà Từ Thanh T phải chịu 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Trần Thị P tiền tạm ứng án phí 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006380 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Gia Lai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Hoàng